

TÀI LIỆU KỶ HỢP

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 4939 /TTr-UBND

Bến Tre, ngày 30 tháng 10 năm 2017

TỜ TRÌNH

**Xin ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh
về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành Nghị quyết về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre, với những nội dung như sau:

I. Sự cần thiết và cơ sở pháp lý ban hành văn bản

Trước đây, trên cơ sở Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (sau đây gọi là Thông tư số 97/2010/TT-BTC). Ủy ban nhân dân tỉnh đã chỉ đạo việc xây dựng và trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua và ban hành Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 17/11/2010, theo đó tại Điều 2 Nghị quyết đã quy định cụ thể về chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan Nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre, đảm bảo tiết kiệm, chống lãng phí, phù hợp với tình hình thực tế và khả năng cân đối ngân sách địa phương giai đoạn 2011-2016.

Ngày 28/4/2017, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (sau đây gọi là Thông tư số 40/2017/TT-BTC) thay thế Thông tư số 97/2010/TT-BTC của Bộ Tài chính. Theo đó, tại Khoản 3, Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC có quy định: “Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp”.

Bên cạnh đó, tại Khoản 1 Điều 27 Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 có quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh ban hành nghị quyết để quy định chi tiết điều, khoản, điểm được giao trong văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên;”.

Từ những cơ sở pháp lý nêu trên và để phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương, việc Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre là thực sự cần thiết và đảm bảo phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành.

II. Mục đích, quan điểm chỉ đạo; đánh giá tác động kinh tế - xã hội của việc xây dựng và ban hành Nghị quyết

- Việc xây dựng và tham mưu trình Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết là nhằm đảm bảo chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Để phù hợp với quy định mới tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, thuận tiện trong quá trình tổ chức thực hiện, phù hợp với thực tế giá cả thị trường, khả năng cân đối ngân sách địa phương, đảm bảo tiết kiệm, hiệu quả và tránh lãng phí. Đồng thời mức chi tại dự thảo Nghị quyết này đảm bảo không vượt quá mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính.

III. Tên gọi, bố cục và nội dung chính của dự thảo Nghị quyết

1. Tên gọi: Nghị quyết về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Bố cục: nội dung dự thảo Nghị quyết gồm 04 Điều, trong đó nội dung chính tập trung tại **Điều 2** (quy định cụ thể về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị).

3. Nội dung chính dự thảo Nghị quyết (đính kèm)

a) Về chế độ công tác phí: Phụ lục 01 kèm theo.

b) Về chế độ chi hội nghị: Phụ lục 02 kèm theo.

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- HĐND tỉnh (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh (báo cáo);
- Ban KT - NS HĐND tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Chánh, các Phó Vp UBND tỉnh;
- Sở Tài chính;
- N/c TCĐT;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trương Duy Hải

Số: /2017/NQ-HĐND
DỰ THẢO

Bến Tre, ngày tháng 12 năm 2017

NGHỊ QUYẾT
**Về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị
trên địa bàn tỉnh Bến Tre**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE
KHOÁ IX - KỲ HỌP THỨ 6**

*Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm
2015;*

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật ngân sách nhà nước;*

*Căn cứ Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ
Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;*

*Xét Tờ trình số 4939/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc xin ban hành Nghị quyết về việc quy định chế độ công tác
phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Báo cáo thẩm tra của Ban
Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội
đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh, đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ (sau đây gọi là cơ quan, đơn vị) trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Đối với chế độ công tác phí:

- Cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo quy định của pháp luật làm việc tại các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp khi tham gia hoạt động của Hội đồng nhân dân.

b) Đối với chế độ chi hội nghị:

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề; hội nghị tổng kết năm; hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ công tác do các cơ quan hành chính nhà nước tổ chức được quy định tại Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy định chế độ họp trong hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước; kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của Thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp các Ban của Hội đồng nhân dân.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị sơ kết và tổng kết chuyên đề, hội nghị tổng kết năm, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

- Các hội nghị chuyên môn, hội nghị tập huấn triển khai nhiệm vụ hoặc các hội nghị được tổ chức theo quy định trong điều lệ của các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

c) Nghị quyết này không áp dụng đối với Đại hội Đảng bộ các cấp và Hội nghị của các cơ quan Đảng thuộc Đảng bộ tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Quy định cụ thể về chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị

1. Chế độ công tác phí: Phụ lục 01 kèm theo.

2. Chế độ chi hội nghị: Phụ lục 02 kèm theo.

Điều 3. Quy định khác

1. Các nội dung khác về chế độ chi công tác phí, chi tổ chức hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị không quy định tại Nghị quyết này thì thực hiện theo quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị.

2. Hàng năm, tùy theo tình hình thực tế, trong phạm vi dự toán ngân sách được giao và các nguồn kinh phí hợp pháp khác, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị căn cứ vào mức chi quy định tại Nghị quyết này và các mức chi khác có liên quan quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính, quy định mức chi cụ thể về công tác phí vào trong Quy chế chi tiêu nội bộ, đảm bảo tiết kiệm, tránh lãng phí.

3. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 4. Tổ chức thực hiện

1. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

3. Nghị quyết này thay thế:

a) Điều 2 Nghị quyết số 10/2010/NQ-HĐND ngày 17 tháng 11 năm 2010 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre khóa VII về việc quy định chế độ tiếp khách trong nước; chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập.

b) Các nội dung chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quy định tại Điểm 1.4 Khoản 1 Mục I và Điểm 4.3 Khoản 4 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre, khóa IX, kỳ họp thứ 6 thông qua ngày 06 tháng 12 năm 2017 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2018./.

Nơi nhận:

- UBND Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tài chính;
- Cục Kiểm tra VBQPPL – Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- Kiểm toán Nhà nước KV IX;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, tỉnh;
- TT.HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Lãnh đạo Vp HĐND tỉnh (02b);
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Phòng TH-VPHĐND tỉnh (07b);
- Trung tâm Thông tin điện tử tỉnh;
- Trang Thông tin điện tử HĐND tỉnh;
- Đài PT-TH; Báo Đồng Khởi;
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH

Võ Thành Hạo

PHỤ LỤC 01
Chế độ công tác phí

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số

/2017/NQ-HĐND ngày

tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI CỤ THỂ
1	Thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện đi công tác	<p>Cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã, phường, thị trấn còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.</p> <p>a) Đi công tác ngoài tỉnh: - Nghỉ lại nơi công tác: 200.000 đồng/ngày/người. - Đi và về trong ngày: 150.000 đồng/ngày/người.</p> <p>b) Đi công tác trong tỉnh: phụ cấp lưu trú được tính theo cự ly km tính từ trụ sở làm việc đến nơi công tác: - Từ 10km đến dưới 30km: 70.000 đồng/ngày/người. - Từ 30km đến dưới 40km: 100.000 đồng/ngày/người. - Từ 40km trở lên: 150.000 đồng/ngày/người.</p> <p>c) Cán bộ, công chức, viên chức và người lao động ở đất liền được cử đi công tác làm nhiệm vụ trên biển, đảo thì được hưởng mức phụ cấp lưu trú: 250.000 đồng/người/ngày thực tế đi biển, đảo (áp dụng cho cả những ngày làm việc trên biển, đảo, những ngày đi, về trên biển, đảo). Trường hợp một số ngành đặc thù đã được cấp có thẩm quyền quy định về chế độ chi bồi dưỡng khi đi công tác trên biển, đảo thì được chọn chế độ quy định cao nhất (phụ cấp lưu trú hoặc chi bồi dưỡng) để chi trả cho người đi công tác.</p>
2	Phụ cấp lưu trú	

<p style="text-align: center;">3</p> <p>Thanh toán tiền thuê phòng nghỉ tại nơi đến công tác</p>	<p>a) Theo hình thức khoán:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 trở lên: 1.000.000 đồng/ngày/người, không phân biệt nơi đến công tác. - Các đối tượng cán bộ, công chức, viên chức và người lao động còn lại: + Di công tác ở quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: 450.000 đồng/ngày/người; + Di công tác tại huyện, thị xã thuộc thành phố trực thuộc trung ương, tại thị xã, thành phố còn lại thuộc tỉnh: 350.000 đồng/ngày/người; + Di công tác tại các vùng còn lại: 300.000 đồng/ngày/người. <p>b) Thanh toán theo hóa đơn thực tế:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Di công tác tại các quận, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương và thành phố là đô thị loại I thuộc tỉnh: + Đối với các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ 1.200.000 đồng/ngày/phòng, theo tiêu chuẩn một người/phòng; + Các đối tượng còn lại: 1.000.000 đồng/ngày/phòng theo tiêu chuẩn 2 người/phòng. - Di công tác tại các vùng còn lại: + Các chức danh lãnh đạo có hệ số phụ cấp chức vụ từ 1,25 đến 1,3: được thanh toán mức giá thuê phòng ngủ là 1.100.000 đồng/ngày/phòng, theo tiêu chuẩn 01 người/phòng; + Các đối tượng còn lại: 700.000 đồng/ngày/phòng, theo tiêu chuẩn 02 người/phòng.
--	---

CHỮ TỊCH

PHỤ LỤC 02
Chế độ chi hội nghị

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số

/2017/NQ-HĐND ngày

tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bến Tre)

STT	NỘI DUNG CHI	MỨC CHI CỤ THỂ
1	Chi thủ lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên, người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị; chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên	a) Chi thủ lao cho giảng viên, chi bồi dưỡng báo cáo viên; người có báo cáo tham luận trình bày tại hội nghị: Thực hiện theo mức chi thủ lao quy định đối với giảng viên, báo cáo viên tại Thông tư số 139/2010/TT-BTC ngày 21/9/2010 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý và sử dụng kinh phí từ ngân sách nhà nước dành cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức. b) Các khoản chi công tác phí cho giảng viên, báo cáo viên do cơ quan, đơn vị chủ trì tổ chức hội nghị chi theo quy định đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của cơ quan, đơn vị mình và ghi rõ trong giấy mời giảng viên, báo cáo viên.
2	Chi giải khát giữa giờ	20.000 đồng/buổi (nửa ngày)/người.
3	Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	a) Cuộc họp tổ chức tại các địa điểm nội thành của Thành phố Bến Tre: 150.000 đồng/ngày/người; b) Cuộc họp tổ chức tại các huyện: 120.000 đồng/ngày/người; c) Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/ngày/người.
4	Chi hỗ trợ tiền thuê phòng nghỉ cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Thanh toán khoán hoặc hoá đơn thực tế theo mức chi quy định tại Mục 3 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này.
5	Chi hỗ trợ tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp	Thực hiện theo quy định tại Mục 1 Phụ lục 01 ban hành kèm theo Nghị quyết này.

CHỦ TỊCH

Số: 1313/BC-STP

Bến Tre, ngày 28 tháng 9 năm 2017

BÁO CÁO

Kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Sở Tư pháp nhận được Công văn số 3713/STC-QLNS ngày 14 tháng 9 năm 2017 của Sở Tài chính về việc thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre (sau đây gọi là dự thảo Nghị quyết). Qua nghiên cứu dự thảo và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến thẩm định như sau:

1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

Phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.

2. Tính hợp hiến, hợp pháp và tính thống nhất của văn bản

a) Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết có nội dung “từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại)”. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với các xã là chưa đủ, vì ngoài việc đi công tác đến các xã, còn đi công tác đến “phường, thị trấn”. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau: “từ 15 km trở lên (đối với các xã, phường, thị trấn còn lại)”.

b) Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, chế độ hội nghị quy định tại dự thảo nghị quyết được áp dụng đối với kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân, các hội nghị sơ kết, tổng kết.... Trong đó, có quy định tại Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: “Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau: a) Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành thành phố Bến Tre: 150.000 đồng/ngày/người; b) Cuộc họp tổ chức tại các huyện: 120.000 đồng/ngày/người; c) Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/ngày/người”.

Tuy nhiên, qua rà soát Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre, nhận thấy tại Điểm 1.4 Khoản 1 Mục I và Điểm 4.3 Khoản 4 Mục I Phục lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND cũng quy định mức chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân và hội nghị sơ kết, tổng kết là “Chế độ ăn đối với đại biểu, khách mời tham dự kỳ họp, hội nghị (đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp) ở cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi, cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi, cấp xã 50.000 đồng/người/buổi”.

Như vậy, quy định mức chi tiền ăn cho đại biểu khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân và hội nghị sơ kết, tổng kết tại Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết và tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND là không thống nhất với nhau. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát lại để có quy định thống nhất với nhau.

3. Ngôn ngữ, kỹ thuật trình bày

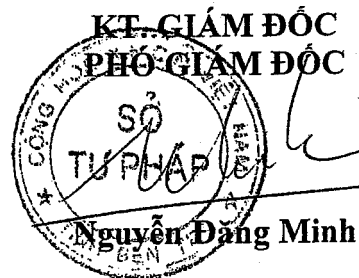
a) Tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung “sau đây gọi là Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006”. Vì Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg chỉ được dẫn chiếu một lần trong nội dung dự thảo Nghị quyết, nên không cần phải quy ước viết tắt.

b) Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết có nội dung “Đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”. Tuy nhiên, để tránh nhầm lẫn trong việc áp dụng văn bản pháp luật khi xác định các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ trích yếu của Quyết định Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau: “Đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020”.

Trên đây là báo cáo thẩm định dự thảo Nghị quyết, Sở Tư pháp chuyển Sở Tài chính tổng hợp./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- Giám đốc;
- Lưu: VT, XDVB (D).



BÁO CÁO

Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định và chỉnh lý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Ngày 28 tháng 9 năm 2017, Sở Tư pháp có Văn bản số 1313/BC-STP về kết quả thẩm định dự thảo Nghị quyết về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre. Sau khi nghiên cứu nội dung văn bản thẩm định, Sở Tài chính xin giải trình, tiếp thu và chỉnh lý theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, cụ thể như sau:

I. Các nội dung tiếp thu ý kiến thẩm định

1. **Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:** Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết có nội dung “từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại)”. Tuy nhiên, quy định này chỉ áp dụng đối với các xã là chưa đủ, vì ngoài việc đi công tác đến các xã, còn đi công tác đến “phường, thị trấn”. Do đó đề nghị cơ quan soạn thảo bổ sung như sau: “từ 15 km trở lên (đối với các xã, phường, thị trấn còn lại)”.

* **Ý kiến Sở Tài chính:** tại điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính đã có quy định rõ: “b) Đối với cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã còn lại).....”. Theo cách hiểu nêu trên (Thông tư số 40/2017/TT-BTC) thì ngoài các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ thì “các xã còn lại” bao gồm các xã không khó khăn và các phường, thị trấn.

Tuy nhiên, để đảm bảo nội dung quy định tại dự thảo Nghị quyết dễ hiểu, không gây khó khăn, vướng mắc khi triển khai áp dụng vào thực tế, Sở Tài chính xin tiếp thu và chỉnh lý lại dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp, như sau:

“Cán bộ, công chức, viên chức không có tiêu chuẩn được bố trí xe ô tô khi đi công tác, nhưng nếu đi công tác cách trụ sở cơ quan từ 10 km trở lên (đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ) và từ 15 km trở lên (đối với các xã, phường, thị trấn còn lại) mà tự túc bằng phương tiện cá nhân của mình thì được thanh toán khoán tiền tự túc phương tiện bằng 0,2 lít xăng/km tính theo khoảng

cách địa giới hành chính và giá xăng tại thời điểm đi công tác và được quy định trong quy chế chi tiêu nội bộ của đơn vị.”

2. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, chế độ hội nghị quy định tại dự thảo nghị quyết được áp dụng đối với kỳ họp của Hội đồng nhân dân, phiên họp của thường trực Hội đồng nhân dân và cuộc họp của các Ban Hội đồng nhân dân, các hội nghị sơ kết, tổng kết.... Trong đó, có quy định tại Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết: *“Chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp theo mức khoán như sau: a) Cuộc họp tổ chức tại địa điểm nội thành thành phố Bến Tre: 150.000 đồng/ngày/ người; b) Cuộc họp tổ chức tại các huyện: 120.000 đồng/ngày/người; c) Cuộc họp do xã, phường, thị trấn tổ chức (không phân biệt địa điểm tổ chức): 100.000 đồng/ngày/người”*. Tuy nhiên, qua rà soát Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2016 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre, nhận thấy tại Điểm 1.4 Khoản 1 Mục I và Điểm 4.3 Khoản 4 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND cũng quy định mức chi cho kỳ họp Hội đồng nhân dân và hội nghị sơ kết, tổng kết là *“Chế độ ăn đối với đại biểu, khách mời tham dự kỳ họp, hội nghị (đối với đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp) ở cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi, cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi, cấp xã 50.000 đồng/người/buổi”*.

Như vậy, quy định mức chi tiền ăn cho đại biểu khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp tham dự kỳ họp Hội đồng nhân dân và hội nghị sơ kết, tổng kết tại Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết và tại Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND là không thống nhất với nhau. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo nghiên cứu, rà soát lại để có quy định thống nhất với nhau.

*** Ý kiến Sở Tài chính:** Ngày 07/12/2016, Hội đồng nhân dân tỉnh có ban hành Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND về việc quy định một số chế độ, định mức chi tiêu tài chính phục vụ hoạt động của Hội đồng nhân dân các cấp tỉnh Bến Tre, trong đó có nội dung quy định mức chi chế độ ăn cho đại biểu, khách mời tham dự kỳ họp của Hội đồng nhân dân (Điểm 1.4 Khoản 1 Mục I Phụ lục) và chế độ ăn cho đại biểu, khách mời tham dự hội nghị sơ kết, tổng kết (Điểm 4.3 Khoản 4 Mục I Phụ lục). Theo đó, chế độ nêu trên được áp dụng cho cả đại biểu, khách mời có hưởng lương từ ngân sách nhà nước và đại biểu, khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp, với mức chi: cấp tỉnh 100.000 đồng/người/buổi; cấp huyện 70.000 đồng/người/buổi; cấp xã 50.000 đồng/người/buổi (hay cấp tỉnh: 200.000 đồng/người/ngày; cấp huyện: 140.000 đồng/người/ngày; cấp xã: 100.000 đồng/người/ngày).

Căn cứ Thông tư số 97/2010/TT-BTC ngày 06/7/2010 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập (*văn bản pháp lý để ban hành Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh*) thì đối với chế độ chi tiêu hội nghị (bao gồm kỳ họp của Hội đồng nhân dân; hội nghị sơ kết, tổng kết) không có nội dung nào quy định được phép chi hỗ trợ tiền ăn đối với đại biểu, khách mời có hưởng lương từ ngân sách nhà nước, mà chỉ có nội dung quy định chi hỗ trợ tiền ăn, thuê chỗ nghỉ, tiền phương tiện đi lại cho đại biểu là khách mời không hưởng lương từ ngân sách nhà nước (quy định tại Điểm đ Khoản 1 Điều 4 Thông tư số 97/2010/TT-BTC). Hiện nay, Thông tư số 97/2010/TT-BTC đã hết hiệu lực thi hành do đã được thay thế bởi Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị (*gọi tắt là Thông tư số 40/2017/TT-BTC*).

Qua rà soát, đối chiếu thì Sở Tài chính nhận thấy các mức chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời (*bao gồm đại biểu không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp*) quy định tại Điểm 1.4 Khoản 1 Mục I và Điểm 4.3 Khoản 4 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND không còn phù hợp với nội dung mức chi quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính, cụ thể:

- Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND quy định mức chi dựa trên cơ sở cấp tổ chức kỳ họp, hội nghị: HĐND cấp tỉnh tổ chức thì hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời là 100.000 đồng/người/buổi; HĐND cấp huyện tổ chức thì hỗ trợ tiền ăn là 70.000 đồng/người/buổi; HĐND cấp xã tổ chức thì hỗ trợ tiền ăn là 50.000 đồng/người/buổi.

- Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính và Khoản 3 Điều 3 dự thảo Nghị quyết quy định mức chi dựa trên cơ sở địa điểm tổ chức kỳ họp, hội nghị (không phân biệt cấp nào chủ trì tổ chức).

Do đó, để đảm bảo nội dung chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu, khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập, doanh nghiệp thống nhất trên địa bàn tỉnh và phù hợp với quy định tại Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. Sở Tài chính thống nhất bổ sung thêm nội dung bãi bỏ các nội dung chi hỗ trợ tiền ăn cho đại biểu là khách mời không trong danh sách trả lương của cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp quy định tại Điểm 1.4 Khoản 1 Mục I và Điểm 4.3 Khoản 4 Mục I Phụ lục ban hành kèm theo Nghị quyết số 16/2016/NQ-HĐND (bổ sung vào Khoản 3 Điều 5 dự thảo Nghị quyết).


3. Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp: Tại Điểm b Khoản 2 Điều 1 dự thảo Nghị quyết, đề nghị cơ quan soạn thảo bỏ nội dung "*sau đây gọi là Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg ngày 25/5/2006*". Vì Quyết định số 114/2006/QĐ-TTg chỉ được dẫn chiếu một lần trong nội dung dự thảo Nghị quyết, nên không cần phải quy ước viết tắt.

* **Ý kiến Sở Tài chính:** Xin tiếp thu và chỉnh lý lại dự thảo Nghị quyết theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp.

II. Các nội dung chưa tiếp thu ý kiến thẩm định

1. **Ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp:** Khoản 1 Điều 2 dự thảo Nghị quyết có nội dung “Đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ”. Tuy nhiên, để tránh nhầm lẫn trong việc áp dụng văn bản pháp luật khi xác định các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn, đề nghị cơ quan soạn thảo quy định rõ trích yếu của Quyết định Thủ tướng Chính phủ, cụ thể như sau: “Đối với các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 - 2020”.

* **Ý kiến Sở Tài chính:** Xin giữ nguyên như dự thảo Nghị quyết, vì nội dung này đã phù hợp với quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 5 Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. Việc bổ sung trích yếu cụ thể tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ theo đề nghị của Sở Tư pháp là chưa bao quát hết nội dung thể hiện tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC vì “*Quyết định của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt danh sách các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển và hải đảo giai đoạn 2016 – 2020*” chưa bao gồm việc xác định danh sách các xã khó khăn (*nội dung này cũng được quy định tại các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ*). Tuy nhiên, trong quá trình triển khai thực hiện, Sở Tài chính sẽ có hướng dẫn cụ thể để đảm bảo tránh nhầm lẫn trong việc áp dụng văn bản khi xác định các xã thuộc địa bàn kinh tế xã hội khó khăn, đặc biệt khó khăn.

Trên đây là Báo cáo giải trình, tiếp thu và chỉnh lý dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre, Sở Tài chính trân trọng báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định. 

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- Sở Tư pháp;
- Giám đốc Sở;
- Lưu: VT, QLNS, Trường (05b).



GIÁM ĐỐC

Nguyễn Văn Tuấn

Số: 715/BC-HĐND

Bến Tre, ngày 15 tháng 11 năm 2017

BÁO CÁO THẨM TRA
Dự thảo Nghị quyết quy định chế độ công tác phí,
chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre

Qua xem xét dự thảo Nghị quyết kèm theo Tờ trình số 4939/TTr-UBND ngày 30 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre về việc xin ban hành Nghị quyết quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Ban Kinh tế và Ngân sách tiến hành thảo luận và thống nhất ý kiến thẩm tra như sau:

Theo quy định tại Khoản 3, Điều 14 Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị thì: “Căn cứ vào khả năng cân đối ngân sách địa phương và tình hình thực tế, Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương quy định các mức chi cụ thể về công tác phí, chi hội nghị đối với các cơ quan, đơn vị trực thuộc để thực hiện cho phù hợp”.

Theo đó, Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân ban hành Nghị quyết này với mức quy định không vượt so với mức quy định tại Thông tư số 40/2017/TT-BTC của Bộ Tài chính. Mặt khác, còn nhằm đảm bảo chế độ chi công tác phí, chế độ hội nghị của các cơ quan nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội, các tổ chức hội sử dụng kinh phí do ngân sách nhà nước hỗ trợ trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./...*mr*

Nơi nhận:

- ĐB HĐND tỉnh;
- Đại biểu khách mời;
- Lưu: VT. *vt*

TM. BAN KT VÀ NS HĐND TỈNH
TRƯỞNG BAN



Nguyễn Văn Quới
Nguyễn Văn Quới